TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐIỆN BÀN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/DS-ST.
Ngày: 20-8-2019
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Kim Anh

2. Bà Võ Thị Lan

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên toà: Ông Trương Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Trần Thị M – Sinh năm: 1945 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

+ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H – Sinh năm: 1981
Ông Nguyễn Đức A – Sinh năm: 1979

Ông Nguyễn Đức N – Sinh năm: 1988

Ông Nguyễn Trần Đức C – Sinh năm: 1992

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Bà Nguyễn Thị Thanh H1 – Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Số 57/4a P, phường 14, quận G, thành phố Hồ Chí Minh

Bà Nguyễn Thị Phương H2 – Sinh năm: 1977

Địa chỉ: Số 122 Đ, phường T, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

(Tất cả bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Trần Thị M trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đức U kết hôn vào trước năm 1975, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Đến năm 2005, ông U bị bệnh nên qua đời.

Vợ chồng bà có 06 người con chung gồm: Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Thị Phương H2, Nguyễn Đức A, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Đức N và Nguyễn Trần Đức C. Ngoài ra vợ chồng bà không có con nuôi, ông U không có con riêng nào khác. Cha mẹ ông U đã mất trước giải phóng.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà tạo lập khối tài sản chung gồm: 01 thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10 ở thôn B, xã Đ và 01 thửa đất 132, tờ bản đồ 17 ở thôn L, xã Điện H.

Nguồn gốc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10 ở thôn B, xã Đ là do Nhà nước cấp cho gia đình bà vào năm 1981. Thời điểm này, gia đình bà gồm 2 vợ chồng bà và 4 đứa con gồm: Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Thị Phương H2, Nguyễn Đức A và Nguyễn Thị Thu H.

Đối với thửa đất số 132, tờ bản đồ 17 ở thôn L, xã Điện H có nguồn gốc do con gái bà Nguyễn Thị Thanh H1 gởi tiền về cho vợ chồng bà để mua vào năm 2001, được UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 199553 ngày 27/8/2001 cho hộ Nguyễn Đức U và Trần Thị M.

Đối với các thửa đất nông nghiệp gồm: thửa đất số 150, tờ bản đồ số 8, diện tích 500m^2 đất lúa; thửa đất số 366, tờ bản đồ số 8, diện tích 440m^2 đất lúa; thửa đất số 547, tờ bản đồ số 8, diện tích 320m^2 đất lúa; thửa đất số 613, tờ bản đồ số 8, diện tích 500m^2 đất lúa; thửa đất số 30, tờ bản đồ số 8, diện tích 168m^2 đất màu; thửa đất số 239, tờ bản đồ số 10, diện tích 140m^2 đất lúa là đất Nhà nước cấp cho gia đình bà nhưng bà không yêu cầu chia phần tài sản này.

Ngày 11/4/2019, bà nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản ông Nguyễn Đức U để lại gồm: một phần thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10 ở thôn B, xã Đ và ½ thửa đất 132, tờ bản đồ 17 ở thôn L, xã Điện H. Đến ngày 04/6/2019, bà có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà không yêu cầu Tòa án chia thừa kế phần tài sản của ông U tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10 ở thôn B, xã Đ.

Đối với thửa đất số 132, tờ bản đồ số 17 tại L, xã Điện H qua đo đac thực tế thì diện tích đất còn lại là 232m^2, thiếu 8m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là sai số do đo đạc nên bà không có ý kiến gì. Bà hoàn toàn đồng ý với kết quả thẩm định giá tài sản của Công ty cổ phần thẩm định giá BTC Value, không có ý kiến gì.

Nay bà Trần Thị M yêu cầu Tòa án chia di sản ông Nguyễn Đức U để lại gồm: 1/2 quyền sử dụng đất tại thửa số 132, tờ bản đồ số 17 tại thôn L, xã Điện H, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Bà đề nghị được nhận bằng hiện vật và chịu trách nhiệm thối trả giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Ngoài ra bà M không có ý kiến và trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Đức A, ông Nguyễn Trần Đức C và bà Nguyễn Thị Thanh H1 cùng thống nhất trình bày:

Ông A, ông C và bà H1 là con ruột của bà Trần Thị M và ông Nguyễn Đức U. Cha mẹ ông bà có 06 người con chung như bà M trình bày là đúng. Năm 2005, ông U qua đời không để lại di chúc.

Di sản ông U để lại gồm: 01 phần thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10 ở thôn B, xã Đ và 1/2 thửa đất 132, tờ bản đồ 17 ở thôn L, xã Điện H.

Đối với phần di sản là một phần thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10 ở thôn B, xã Đ, bà M rút yêu cầu, không yêu cầu chia phần đất này thì các ông và bà H1 không có ý kiến gì.

Đối với thửa đất số 132, tờ bản đồ số 17 tại L, xã Điện H có nguồn gốc do ông U và bà M mua của người khác. Qua đo đạc thực tế thì diện tích đất còn lại là 232m^2, thiếu 8m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là sai số do đo đạc nên không ai có ý kiến gì. Ông A, ông C và bà H1 hoàn toàn đồng ý với kết quả thẩm định giá tài sản của Công ty cổ phần thẩm định giá BTC Value, không có ý kiến gì.

Nay bà M yêu cầu chia di sản thừa kế của ông U để lại gồm 1/2 thửa đất 132, tờ bản đồ 17 ở thôn L, xã Điện H thì các ông, bà đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu ông A, ông C và bà H1 được nhận một kỷ phần do ông U để lại thì ông A, ông C và bà H1 đề nghị được nhận và cho lại mẹ ông bà là bà Trần Thị M để bà M được hưởng.

Bị đơn ông Nguyễn Đức N trình bày:

Ông hoàn toàn thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M về việc chia di sản thừa kế do ông U để lại theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương H2 và bà Nguyễn Thị Thu H cùng thống nhất trình bày:

Các bà hoàn toàn thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M về việc chia di sản thừa kế do ông U để lại theo quy định của pháp luật. Nếu các bà được nhận một kỷ phần do ông U để lại thì bà H2 và bà H đề nghị được nhận. Nếu phần được nhận không đủ diện tích để làm thủ tục tách thửa thì các bà đề nghị được nhận chung với các đồng thừa kế khác để đủ điều kiện tách theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND thị xã Điện Bàn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Quá trình Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành tốt quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giao toàn bộ thửa đất số 132, tờ bản đồ số 17 ở thôn L, xã Điện H có diện tích qua đo đạc là 232m^2 cho bà Trần Thị M trọn quyền sử dụng. Bà Trần Thị M có trách nhiệm thối trả giá trị quyền sử dụng đất mà ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Phương H2 được nhận cho mỗi người với số tiền 69.621.000đ (sáu mươi chín triệu sáu trăm hai mốt nghìn đồng.)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp về thừa kế tài sản giữa nguyên đơn bà Trần Thị M và các bị đơn ông Nguyễn Đức A, Nguyễn Đức N, Nguyễn Trần Đức C, bà Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Thị Phương H2 và bà Nguyễn Thị Thu H. Bất động sản đang tranh chấp tại thôn L, xã Điện H, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Về thời hiệu: theo quy định tại Khoản 1 Điều 623 BLDS 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Ông Nguyễn Đức U chết năm 2005, ngày 11/4/2019, bà M yêu cầu chia di sản thừa kế của ông U là quyền sử dụng đất tại thửa số 132, tờ bản đồ 17 ở thôn L, xã Điện H nên thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông U vẫn còn.

Các bị đơn là ông Nguyễn Đức A, bà Nguyễn Thị Phương H2, bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thanh H1, ông Nguyễn Trần Đức C và ông Nguyễn

Đức N có đơn xin xử vắng mặt nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt các bị đơn là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Ngày 11/4/2019, bà Trần Thị M nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản ông Nguyễn Đức U để lại gồm: một phần thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10 ở thôn B, xã Đ và ½ thửa đất 132, tờ bản đồ 17 ở thôn L, xã Điện H. Đến ngày 04/6/2019 và tại phiên tòa bà M yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà không yêu cầu Tòa án chia thừa kế phần tài sản của ông U tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10 ở thôn B, xã Đ. Các đồng bị đơn không ai có ý kiến gì về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố. HĐXX xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên HĐXX căn cứ Khoản 2 Điều 224 BLTTDS chấp nhận để đình chỉ đối với yêu cầu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Về nguồn gốc hình thành, quá trình sử dụng và hiện trạng thực tế của phần đất tranh chấp:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự thống nhất về nguồn gốc thửa đất số 132, tờ bản đồ 17 ở thôn L, xã Điện H là do ông Nguyễn Đức U và bà Trần Thị M nhận chuyển nhượng của người khác. Qua xác minh và thu thập tài liệu, chứng cứ tại các cơ quan có thẩm quyền về đất đai thì nguồn gốc thửa đất là do ông U bà M nhận chuyển nhượng nên quyền sử dụng đất thuộc ông U và bà M, không thuộc quyền sử dụng của hộ ông U. Việc sai sót trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do sai sót của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định quyền sử dụng đất tại thửa số 132, tờ bản đồ 17 ở thôn L, xã Điện H thuộc quyền sử dụng chung của vợ chồng ông U và bà M. Do đó, ông U và bà M mỗi người có ½ quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung của vợ chồng đối với thửa đất số 132, tờ bản đồ 17 ở thôn L, xã Điện H.

Qua đo đạc thực tế thì thửa đất số 132, tờ bản đồ 17 có diện tích 232m^2, thiếu 8m^2 so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, các đương sự không có tranh chấp về ranh giới với các hộ liền kề, hiện trạng thửa đất không thay đổi. Các đương sự trong vụ án không ai có ý kiến, khiếu nại gì về kết quả đo đạc. Qua xác minh tại Phòng Tài nguyên Môi trường thị xã Điện Bàn thì hình thể thửa đất không thay đổi, chủ sử dụng đất không tranh chấp với các hộ liền kề nên căn cứ Khoản 5 Điều 98 Luật đất đai, Nhà nước chỉ công nhận diện tích đất theo hiện trạng. Đối với phần chênh lệch là sai số do đo đạc trước đây. Kết quả thẩm định giá do Công ty Cổ phần thẩm định giá BTC Value xác định: Giá trị quyền sử dụng đất tại thửa 132, tờ bản đồ 17 ở thôn L, xã Điện H là 974.703.384đ (chín trăm bảy bốn triệu, bảy trăm linh ba nghìn, ba trăm tám mươi tư đồng).

Về tài sản trên đất tranh chấp: Qua xem xét, thẩm định tại chỗ xác định trên đất tranh chấp không có công trình, vật kiến trúc gì, chỉ có một số cây dại không

có giá trị, các đương sự không có tranh chấp về tài sản trên đất tranh chấp nên không xem xét.

Như vậy, có cơ sở xác định di sản mà ông U để lại trong khối tài sản của vợ chồng gồm 116m^2 thuộc thửa 132, tờ bản đồ 17 ở thôn L, xã Điện H, trong đó 100m^2 đất ở và 16m^2 đất vườn, có giá trị tổng cộng là 487.351.692đ (bốn trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi mốt nghìn, sáu trăm chín mươi hai đồng).

[3] Về diện thừa kế và kỷ phần: Ông U có vợ là bà Trần Thị M và có 06 con gồm: bà Nguyễn Thị Thanh H1, bà Nguyễn Thị Phương H2, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Đức A, ông Nguyễn Đức N và ông Nguyễn Trần Đức C. Ông U không có con nuôi, không có con riêng. Cha, mẹ ông U chết trước khi ông U chết.

Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì những người thừa kế theo pháp luật của ông U thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: bà M, bà H1, bà H2, bà H, ông A, ông N và ông C. Do đó diện thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông U gồm 7 kỷ phần. Di sản thừa kế của ông U là 116m^2 đất, trị giá thành tiền 487.351.692đ được chia thành 7 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần tương ứng với 16,57m^2, có trị giá thành tiền là: 69.621.000 đồng.

Do các đồng thừa kế là bà Nguyễn Thị Thanh H1, ông Nguyễn Đức A và ông Nguyễn Trần Đức C tự nguyện cho kỷ phần mình được nhận cho bà Trần Thị M nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Như vậy, bà Trần Thị M được nhận ½ tài sản trong khối tài sản chung của vợ chồng là 116m^2 diện tích đất tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số 7. Đồng thời, bà M còn được nhận một kỷ phần do ông U để lại cộng với 03 kỷ phần do bà H1, ông A, ông C cho nên bà M được nhận tổng cộng 04 kỷ phần có diện tích 66,28m^2.

Bà H, bà H2 có nguyện vọng được nhận chung kỷ phần với các đồng thừa kế khác để cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, các đồng thừa kế khác không đồng ý. Phần bà H và bà H2 được nhận kỷ phần có diện tích tổng cộng 33,14m^2, không đủ điều kiện tách thửa theo quy định tại Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của UBND tỉnh Quảng Nam nên không được chấp nhận chia hiện vật, HĐXX quyết định chia bằng giá trị cho bà H và bà H2 mỗi người một kỷ phần có giá trị là 69.621.000 đồng.

Ông N yêu cầu Tòa án chia di sản theo quy định của pháp luật. Phần ông N được nhận có diện tích 16,57m^2, không đủ điều kiện tách thửa theo quy định tại Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của UBND tỉnh Quảng Nam nên không được chấp nhận chia hiện vật, HĐXX quyết định chia bằng giá trị cho ông N kỷ phần có giá trị là 69.621.000 đồng.

Từ những phân tích trên, HĐXX có đủ cơ sở để giao toàn bộ thửa đất số 132, tờ bản đồ số 17 có diện tích 232m2 tại thôn L, xã Điện H cho bà Trần Thị M được trọn quyền quản lý, sử dụng, có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đường đất rộng 2m, có chiều dài 24,41m
- Phía Tây giáp thửa đất ONT 132, có chiều dài 34,81m
- Phía Nam giáp thửa đất ONT 146, có chiều dài: 2,39m+1,75m+4,64m+4,65m+2,69m
- Phía Bắc giáp đường bêtông rộng 3m, có chiều dài 8m

Bà Trần Thị M có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản cho các đồng thừa kế khác là bà H2, bà H và ông N theo giá trị được chia.

Các đương sự phải có nghĩa vụ làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn là người yêu cầu đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ, thẩm định giá và thỏa thuận tự nguyện chịu toàn bộ chi phí 8.000.000đ nên miễn xét.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị M yêu cầu chia di sản và được chia nên phải chịu án phí theo quy định. Do bà M là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH.

Bà Nguyễn Thị Phương H2, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Đức N là người được nhận di sản nên phải chịu án phí tương ứng với giá trị kỷ phần được nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 612, 623, 649, 650, 651, 660, 468 Bộ luật Dân sự, Luật phí và lệ phí, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M về "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

[1] Đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu chia thừa kế tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10 ở thôn B, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

[2] Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thanh H1, ông Nguyễn Đức A và ông Nguyễn Trần Đức C về việc nhường kỷ phần thừa kế cho bà Trần Thị M.

[3] Bà Trần Thị M được quyền sử dụng thửa đất số 132, tờ bản đồ số 17 tại thôn L, xã Điện H, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam có diện tích đo thực tế là 232m^2 (được giới hạn bởi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 theo Bản đồ mô tả ranh

giới, mốc giới thửa đất ngày 21/6/2019 của Chi nhánh Công ty Cổ phần đo đạc bản đồ và kiến trúc quy hoạch Việt Nam tại Quảng Nam). Có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đường đất rộng 2m, có chiều dài 24,41m
- Phía Tây giáp thửa đất ONT 132, có chiều dài 34,81m
- Phía Nam giáp thửa đất ONT 146, có chiều dài: 2,39m+1,75m+4,64m+4,65m+2,69m
- Phía Bắc giáp đường bêtông rộng 3m, có chiều dài 8m

[4] Bà Trần Thị M phải thanh toán kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Đức U để lại cho bà Nguyễn Thị Phương H2 với số tiền 69.621.000đ (sáu mươi chín triệu, sáu trăm hai mốt nghìn đồng)

[5] Bà Trần Thị M phải thanh toán kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Đức U để lại cho bà Nguyễn Thị Thu H với số tiền 69.621.000đ (sáu mươi chín triệu, sáu trăm hai mốt nghìn đồng)

[6] Bà Trần Thị M phải thanh toán kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Đức U để lại cho ông Nguyễn Đức N với số tiền 69.621.000đ (sáu mươi chín triệu, sáu trăm hai mốt nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bà Trần Thị M có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị M được miễn án phí. Bà Nguyễn Thị Phương H2, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Đức N phải chịu mỗi người 3.480.000đ tiền án phí DSST.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án gởi đến hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân